

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 15/6/2023

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Ông Bá Đình Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nhã T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Anh Võ Duy T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhã T trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Võ Duy T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng chị.

Vợ chồng có đến UBND thị trấn C, huyện B để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng ra riêng, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh T1 có tính gia trưởng đánh đập vợ con chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong việc chăm sóc con cái, do con còn nhỏ nên chị đã cho cơ hội để đoàn tụ.

Năm 2019 vợ chồng nợ nần, một mình chị đứng ra vay mượn, anh T1 không quan tâm hỏi han mà trách móc cái vãi và dần dần không có tiếng nói chung. Chị bán nhà trả nợ rồi vợ chồng về nhà cha mẹ anh T1 ở. Trong quá trình sống chung anh T1 tiếp tục đánh chị vì những chuyện không đáng.

Hai bên gia đình biết vợ chồng mâu thuẫn nhưng không hòa giải cho vợ chồng.

Tháng 09/2021 chị và hai con về nhà cha mẹ chị ở, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc và hỏi thăm nhau, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Võ Duy T1.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là Võ Ngọc Gia L – sinh ngày 29/6/2016 và Võ Ngọc Hoàng Y – sinh ngày 10/9/2018 hiện con đang ở với mẹ, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Duy T1: Anh Võ Duy T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người làm chứng:

Bà Đặng Thị Ngọc L1 (mẹ anh T1) trình bày: T1 và T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới cho vợ chồng T1.

Sau khi cưới vợ chồng về Hòa Thuận sinh sống một thời gian. Năm 2019 vợ chồng T1 về sinh sống tại nhà bà.

Trong cuộc sống chung thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng theo bà thì đó là mâu thuẫn mà vợ chồng nào cũng có. Bà không rõ vợ chồng T1 làm ăn như thế nào mà phải bán nhà để trả nợ, rồi vợ chồng cãi vã và T bỏ về nhà cha mẹ tại Hòa Thuận sống khoảng 2 năm nay. Hai bên gia đình biết nhưng không hòa giải cho vợ chồng T1.

Việc T ly hôn với T1 thì T1 có biết vì bà có thông báo cho T1 biết. Ý kiến của

T1 là T muốn ly hôn để giải thoát thì Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của T, T1 đồng ý ly hôn với T.

Ý kiến của bà cũng như T1 là Tòa án cứ giải quyết cho T ly hôn với T1 vì T không đồng ý trở về đoàn tụ.

T1 hiện nay đi làm xa ít về địa phương nên không đến Tòa án được đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt T1.

Bà Nguyễn Thị Phương T2 (chị gái của T) trình bày: T1 và T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới cho vợ chồng T1.

Sau khi cưới vợ chồng về Hòa Thuận sống một thời gian rồi về khu phố X sinh sống.

Trong cuộc sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân T1 đánh T và việc này T có kể cho gia đình nghe, vợ chồng T cũng có nợ nần.

Năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn T và các con về lại Hòa Thuận sinh sống từ đó. Hai bên gia đình biết nhưng không hòa giải cho vợ chồng T1.

Ý kiến của bà là Tòa án nên giải quyết cho T được ly hôn với T1 vì vợ chồng không còn tình cảm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật T tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật T tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật T tụng của bị đơn: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chợ Lầu vào ngày 02/4/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T1 mâu thuẫn, đến tháng 9/2020 chị T dắt hai con về nhà mẹ ruột chị T sinh sống, anh T1 ở nhà mẹ ruột anh T1, sau đó anh T1 đi làm ăn xa ít về địa phương, chị T và anh T1 sống ly thân khoảng 03 năm nay. Tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với anh T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Qua đó nhận thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy giữa chị T và anh T1 đã sống ly thân khoảng 03 năm nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Chị T yêu cầu giao 02 con: Võ Ngọc Gia L, sinh ngày 29/6/2016 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 01 tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay 02 con đang sống cùng chị T, anh T1 không có mặt ở địa phương. Vì vậy, nên giao 02 cháu L và cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhã T. Chị Nguyễn Thị Nhã T được ly hôn với anh Võ Duy T1.

Về con chung: Giao hai cháu Võ Ngọc Gia L, sinh ngày 29/6/2016 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Nhã T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Duy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Nhã T và anh Võ Duy T1 có hộ khẩu thường trú: khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhã T, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nhã T với anh Võ Duy T1 được xác lập trên cơ sở

tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 02/4/2014 nên là hôn nhân hợp pháp, chị T có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị T và anh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 cuộc sống vợ chồng sống chỉ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T1 đánh đập chị T vì những chuyện nhỏ trong việc chăm sóc con cái khi vợ chồng xảy ra nợ nần thì anh T1 không quan tâm hỏi han mà trách móc chị. Năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh T1 tiếp tục đánh đập chị nên chị T và các con về nhà cha mẹ tại Hòa Thuận sinh sống từ đó đến nay.

Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên anh T1 không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ anh T1 cũng không còn tình cảm, không muốn níu kéo và hàn gắn tình cảm với chị T.

HĐXX xét thấy, theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Vợ chồng chị T và anh T1 đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài. Như vậy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh T1 sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là Võ Ngọc Gia L– sinh ngày 29/6/2016 và Võ Ngọc Hoàng Y – sinh ngày 10/9/2018. Chị T cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị T đủ điều kiện để nuôi con, hiện anh T1 cũng không có mặt tại địa phương, nên Hội đồng xét xử giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhã T được ly hôn và anh Võ Duy T1.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Gia L– sinh ngày 29/6/2016 và Võ Ngọc Hoàng Y – sinh ngày 10/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Nhã T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhã T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp tại biên lai thu số 0002748, ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Nguyễn Thị Nhã T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Chợ Lầu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

